

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Giảm SDDNC; 9/10 Tỷ lệ 90%; giảm SDDTC:4/5 tỷ lệ: 80%; Giảm BP:40/77 tỷ lệ 51.9%; Giảm SDDM: ½ tỷ lệ 50% Calo: 53.75%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	<i>Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 51/2020/TT- BGDDT Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDDT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDDT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<i>Phát triển 5 lĩnh vực</i>
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tổ chức lên chuyên đề Tổ chức hoạt động ngoại khóa

Hóc Môn, ngày 10 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký)

Lưu Thị Kim Chi

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học: 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo		
			3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	188	33	50	105
1	Số trẻ em nhóm ghép				
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày				
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	188	33	50	105
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập				
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	188	33	50	105
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	188	33	50	105
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	188	33	50	105
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em				
1	Số trẻ cân nặng bình thường	179	01	02	05
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0		0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	185	02	02	04
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	09		0	00
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục				
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo				

Hóc Môn, ngày 10 tháng 9 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

(đã ký)
Lưu Thị Kim Chi

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học: 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	06	Số 2.2 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	06	06
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	854.0 m ²	10 m ² / trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	388.8 m ²	3.2 m ² / trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	104.5m ²	2.2 m ² / trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	m ²	m ² / trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	32 m ²	0.4 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	158 m ²	3.2 m ² / trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	2.9 m ²	1.4 m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	48 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	120 bộ	30/ 1 nhóm lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	120 bộ	30/1 nhóm lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		07/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	17 máy vi tính	17/17
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	máy in	6/12
1	...		

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12 m ²	13.7 m ²	37 m ²	m ²	0.4 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

			Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	có	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Không
XIV	Kết nối internet	có	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	có	
XVI	Tường rào xây	có	
..			

Hóc Môn, ngày 10 tháng 9 năm 2024.
Thủ trưởng đơn vị

(đã ký)

Lưu Thị Kim Chi

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục
mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	21		01	07	05	01	0							
I	Giáo viên	11			06	4	01					4	7		
1	Nhà trẻ														
2	Mẫu giáo	11			06	4	01					4	7		
II	Cán bộ quản lý	02			02								2		
1	Hiệu trưởng	01		01									1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1								1		
III	Nhân viên	07			1	1	2	3							
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	02					02	02							

Hóc Môn, ngày 10 tháng 9 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

(đã ký)

Lưu Thị Kim Chi

